

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:109/2024/HS-ST
Ngày 12-6-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2/ Ông Phan Chí Thiện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Thanh C**, sinh năm: 2003, tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Tam trú: Nhà trọ **Nguyễn Thị Hồng P, số A, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Nghề nghiệp: Sinh viên. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Lương Thanh B** và bà **Nguyễn Thị Kim Đ**; chưa có vợ con. Tiền án; tiền sự; nhân thân: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- **Bị hại:**

1. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 2002; địa chỉ thường trú: **Số nhà C đường K, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

2. Bà **Hoàng Thị Vân A**, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: **Thôn D, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình**; chỗ ở hiện nay: Ký túc xá **bệnh viện Q1; số G N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.

3. Bà **Lương Thị Trà M**, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: **Số A, N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; chỗ ở hiện nay: **Số I N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 2001; địa chỉ thường trú: **Thôn X, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội**. Vắng mặt.

5. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: **Bản C, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1999; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện nay: Số F xa lộ H, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

7. Ông Phan Thành N, sinh năm: 1991; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

8. Bà Vũ Lê Thu H1, sinh năm 2003; địa chỉ thường trú: Tổ D, Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Đức N1, sinh năm: 1999; địa chỉ thường trú: Số B Khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Số A P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Số A, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Số A N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

12. Bà Trần Thị Thanh N2, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Số A B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

13. Ông Đỗ Phước T2, sinh năm: 2004; địa chỉ thường trú: Số D Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

14. Bà Lê Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: Số F khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Trần Bích N3, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: Phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Hẻm A H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

16. Bà Phạm Ngọc Bảo V, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: Tổ C, Khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

17. Ông Trần Thanh S, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Số D L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

18. Ông Trịnh Văn H3, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: Thôn E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Nhà T, hẻm E, L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

19. Ông Dương Tấn H4, sinh năm 2003; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

20. Bà Hà Gia Q, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Thị Ngọc Á. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và biến biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thanh C là sinh viên Khóa D21, **Trường Đại học T4**. Khoảng tháng 6/2022, khi **Lương Thanh C** đang ở nhà trọ **P**, địa chỉ tại **số A, đường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** thì **C** nảy sinh ý định lừa đảo người khác để chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài. Qua tìm hiểu trên mạng xã hội Facebook và **Z**, **C** biết có nhiều người cần thuê phòng trọ nên **C** đã sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh truy cập vào các trang mạng quảng cáo cho thuê phòng trọ để tải hình ảnh các phòng trọ đẹp, đầy đủ tiện nghi về rồi sử dụng các hình ảnh này đăng lên trên trang mạng xã hội Facebook và Zalo của **C** và kèm theo thông tin “Nhà trọ đẹp, đầy đủ tiện nghi, giá rẻ và ở khu vực thuận lợi cho việc đi lại, sinh sống...”. Sau đó, khi có người thấy hình ảnh kèm theo thông tin phòng trọ do **C** đăng tải thì liên hệ với **C** qua các tài khoản mạng xã hội Facebook và **Z** của **C**. Lúc này, **C** gửi số tài khoản 107657999888 của **Ngân hàng V1** tên **Lương Thanh C** và yêu cầu người muốn thuê phòng trọ phải chuyển tiền vào số tài khoản này để đặt cọc phòng trước rồi mới dẫn đi xem phòng. Sau khi nhận được tiền của người thuê phòng trọ, **C** chiếm đoạt số tiền đặt cọc rồi sử dụng tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra và xác minh đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** xác định được như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023, với thủ đoạn nêu trên **Lương Thanh C** đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 người có nhu cầu đặt cọc tiền để thuê phòng trọ, với tổng số tiền là 34.200.000 (ba mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của ông **Nguyễn Văn K** số tiền 3.800.000 (ba triệu, tám trăm nghìn) đồng.
2. Chiếm đoạt của bà **Hoàng Thị Vân A** số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.
3. Chiếm đoạt của bà **Nguyễn Thị Thanh H2** số tiền 2.100.000 (hai triệu, một trăm nghìn) đồng.
4. Chiếm đoạt của ông **Nguyễn Đức N1** số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.
5. Chiếm đoạt của bà **Vũ Lê Thu H1** số tiền 3.800.000 (ba triệu, tám trăm nghìn) đồng.
6. Chiếm đoạt của ông **Phan Thành N** số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.
7. Chiếm đoạt của bà **Trần Thị Thanh N2** số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.
8. Chiếm đoạt của bà **Nguyễn Thị Hợp s** tiền 3.500.000 (ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.
9. Chiếm đoạt của ông **Nguyễn Văn T1** số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.
10. Chiếm đoạt của ông **Nguyễn Tiến T** số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.
11. Chiếm đoạt của ông **Nguyễn Ngọc Đ1** số tiền 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng.
12. Chiếm đoạt của bà **Lương Thị Trà M** số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Quá trình điều tra đến nay, **Lương Thanh C** đã bồi thường cho các bị hại, gồm: **Nguyễn Ngọc Đ1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Thanh H2, Nguyễn Thị H, Trần Thị Thanh N2, Vũ Lê Thu H1** với tổng số tiền là 17.900.000 (mười bảy triệu, chín trăm nghìn) đồng. Riêng đối với các bị hại **Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đức N1, Hoàng Thị Vân A, Phan Thành N** và **Lương Thị Trà M** yêu cầu **C** phải bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 16.300.000 (mười sáu triệu, ba trăm nghìn) đồng.

Quá trình điều tra thì **Lương Thanh C** khai nhận, ngoài số tiền 34.200.000 (ba mươi tư triệu, hai trăm nghìn) đồng mà **C** đã chiếm đoạt và Cơ quan điều tra đã xác định được các bị hại như đã nêu trên thì **C** còn khai nhận đã chiếm đoạt được 43.760.000 (bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng của một số người khác nhưng đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** không làm việc được với những người này do những người này cư trú ở nhiều địa phương khác nhau. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã nhiều lần tiến hành uỷ thác điều tra đến các địa phương nơi có các chủ tài khoản đã chuyển tiền đặt cọc phòng trọ và bị **C** chiếm đoạt nhưng đến nay không nhận được kết quả trả lời. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã tiến hành đăng báo để tìm các bị hại nhưng đến nay vẫn không có ai đến để liên hệ làm việc nên chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự số tiền trên đối với **C**. Do đó, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một buộc **C** phải nộp lại số tiền 43.760.000 (bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng mà **C** có được do thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Cùng với cách thức, thủ đoạn lừa đảo qua các trang mạng xã hội như trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** xác định, **Lương Thanh C** còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các sinh viên Khóa D22 của **Trường Đại học T4**, cụ thể như sau:

Khoảng cuối tháng 12/2022, khi **Lương Thanh C** sống chung cùng bạn gái là **Nguyễn Thị Ngọc Á** là sinh viên Khóa D22, **Trường Đại học T4** tại nhà trọ **P**, địa chỉ **số A, đường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** nên **C** biết được sinh viên của **Trường Đại học T4** đều có Gmail riêng được lập nên dựa trên mã số sinh viên và thêm đuôi là **@student.tdmu.edu.vn** nên **C** đã nảy sinh ý định tạo ra thông báo giả của **Trường Đại học T4** gửi vào Email của các sinh viên Khóa D22 mới nhập học để yêu cầu sinh viên chuyển tiền mua đồng phục rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, **C** lập **G** với tên là “**Thanhthuy113@gmail.com**” gửi thư với nội dung “**Trường Đại học T4** thông báo học sinh khóa mới đóng tiền đồng phục trường với số tiền là 142.000 (một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng/1người” đến địa chỉ Gmail của các sinh viên **Khóa D, Trường Đại học T4**, kết quả có 08 sinh viên, gồm: **Đỗ Phước T2; Lê Nguyễn Ngọc T3; Nguyễn Trần Bích N3; Phạm Ngọc Bảo V; Trần Thanh S; Trịnh Văn H3; Dương Tấn H4** và **Hà Gia Q** là các sinh viên của **Trường Đại học T4** đã tin nội dung **C** gửi thư thông báo là **G** của **Trường Đại học T4** nên đã chuyển số tiền 142.000 đồng/01người vào tài khoản số 107657999888, Ngân hàng **V1** của **Lương Thanh C**. Tổng số tiền **C** chiếm đoạt được của các sinh viên là 1.136.000 (một triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Ngày 07/01/2023, bà **Nguyễn Trần Bích N3** qua tìm hiểu biết được **Trường Đại học T4**

không gửi **G** thông báo yêu cầu sinh viên của trường nộp tiền đồng phục. Do đó, cùng ngày 07/01/2023 bà **N3** đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** (PA05) để trình báo sự việc.

Qua công tác kiểm tra và xác minh của Phòng PA05 **Công an tỉnh B** xác định được đối tượng **Lương Thanh C** là đối tượng đã thực hiện các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tiếp đó, Phòng PA05 **Công an tỉnh B** đã yêu cầu **C** về trụ sở để làm việc và **C** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đồng thời, **C** đã tự nguyện giao nộp số vật chứng, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh và 01 thẻ ngân hàng có số tài khoản 107657999888, **N4** hành **V1** tên **Lương Thanh C**. Ngày 17/02/2023, Phòng PA05 **Công an tỉnh B** đã chuyển hồ sơ vụ việc, vật chứng và đối tượng **Lương Thanh C** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh thu giữ của **Lương Thanh C** quá trình điều tra, xác định: Chiếc điện thoại nêu trên là tài sản của **C** sử dụng làm công cụ phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 thẻ ngân hàng có số tài khoản 107657999888, **N4** hành **V1** tên **Lương Thanh C** quá trình điều tra, xác định: Thẻ ngân hàng trên do **C** sử dụng vào mục đích phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự **thành phố T** để đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với **Nguyễn Thị Ngọc Á** quá trình điều tra, xác định: Quá trình **Á** sinh sống cùng với **C** tại phòng trọ thì **Á** không tham gia giúp sức cho **Lương Thanh C** trong toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **Á** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 65/CT-VKSTDM ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo **Lương Thanh C** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại gồm: **Nguyễn Tiến T**, **Nguyễn Văn K**, **Nguyễn Đức N1**, **Hoàng Thị Vân A**, **Phan Thành N** và **Lương Thị Trà M** số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt nhưng chưa bồi thường.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo **Lương Thanh C** phải nộp lại số tiền 43.760.000 (bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng mà bị cáo có được do thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu xung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 359015637036620.

- Tịch thu tiêu huỷ 01(một) thẻ **ngân hàng V1** tên **Luong Thanh C1**.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023, khi **Lương Thanh C** đang là sinh viên Khóa D21, **Trường Đại học T4** và sinh sống tại nhà trọ **P**, địa chỉ tại **số A, đường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, bị cáo **C** đã dùng thủ đoạn gian dối là đăng tải lên trên trang mạng xã hội Facebook và Zalo của **C** những hình ảnh phòng trọ và kèm theo thông tin “Nhà trọ đẹp, đầy đủ tiện nghi, giá rẻ và ở khu vực thuận lợi cho việc đi lại, sinh sống...”, rồi sau đó **C** yêu cầu những người có nhu cầu thuê phòng trọ chuyển tiền đặt cọc thuê phòng trọ vào tài khoản số 107657999888, **Ngân hàng V1** của **Lương Thanh C** rồi chiếm đoạt số tiền trên; bị cáo **C** đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 người có nhu cầu đặt cọc tiền để thuê phòng trọ, với tổng số tiền là 34.200.000 (ba mươi bốn triệu, hai trăm nghìn) đồng sử dụng tiêu xài cá nhân.

Cùng với cách thức, thủ đoạn lừa đảo qua các trang mạng xã hội như trên, **Lương Thanh C** còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 sinh viên Khóa D22 của **Trường Đại học T4** với tổng số tiền 1.136.000 (một triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy,

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo để cho bị cáo hưởng án treo là đã đủ căn cứ, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với các bị hại mà bị cáo đã chiếm đoạt số tiền gồm: Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đức N1, Hoàng Thị Vân A, Phan Thành N và Lương Thị Trà M. Quá trình điều tra bị cáo chưa bồi thường, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lương Thanh C phải bồi thường cho các bị hại Nguyễn Tiến T số tiền 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn K số tiền 3.800.000 đồng, Nguyễn Đức N1 số tiền 1.000.000 đồng, Hoàng Thị Vân A số tiền 6.000.000 đồng, Phan Thành N số tiền 2.000.000 đồng và Lương Thị Trà M số tiền 500.000 đồng, theo quy định tại điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 43.760.000 (bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng mà bị cáo có được do thu lợi bất chính, bị cáo đồng ý giao nộp số tiền này nên buộc bị cáo Lương Thanh C phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu xung ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 359015637036620.

- Tịch thu tiêu huỷ 01(một) thẻ **ngân hàng V1** tên **Luong Thanh C1**.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65, Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Lương Thanh C** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lương Thanh C** 01(một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 12/6/2024.

Giao bị cáo **Lương Thanh C** cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Lương Thanh C** phải bồi thường cho bị hại **Nguyễn Tiến T** số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); **Nguyễn Văn K** số tiền 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng); **Nguyễn Đức N1** số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng); **Hoàng Thị Vân A** số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); **Phan Thành N** số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và **Lương Thị Trà M** số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

(Bị cáo đã nộp số tiền 16.300.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng) để bồi thường cho các bị hại theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/23, số 0000526, ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

4. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu xung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 359015637036620.

- Tịch thu tiêu huỷ 01(một) thẻ **ngân hàng V1** tên **Luong Thanh C1**

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 088.24 ngày 05/3/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố T).

- Buộc bị cáo Lương Thanh C phải nộp lại số tiền 43.760.000 (bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lương Thanh C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 815.000 đồng (tám trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Ủy ban nhân dân (nơi giao bị cáo để giám sát, giáo dục);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh N5

